TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 09 – 2019
(V/việc xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Diệp Chí Nguyện
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi
Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên toà: BàHàng Bích Trâm – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 498/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 731/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Hồ Thị Ngọc B, sinh năm 1982.
Địa chỉ cư trú: Số 178B, đường Q, khóm N, phường N, TpC, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- ***Bị đơn***: Anh Lê Viết N, sinh năm 1980.
Địa chỉ cư trú: Số 178B, đường Q, khóm N, phường N, TpC, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị B trình bày, chị và anh Lê Viết N chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng đến nay vẫn không giải quyết được, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên cải vã nên không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn, gia đình có khuyên can nhưng không được, còn hâm dọa đủ điều. Chị B xác định hiện vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Ý kiến của anh N: Anh N trình bày, anh và chị B chung sống với nhau từ năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Cà Mau. Anh xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, chưa đến mức phải ly hôn. Anh N xác định, vợ chồng không sống chung là do chị

B đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương. Anh N xác định vẫn còn tình cảm với chị B nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị B xác định có 02 con chung tên Lê Hồ Viết T, sinh ngày 18/8/2002 và Lê Hồ Ngọc T, sinh ngày 24/8/2012. Hiện các con đang ở chung với anh chị, Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Viết T, đồng ý giao cháu Ngọc T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu.

Ý kiến của anh N: Anh N xác định có 02 con chung tên Lê Hồ Viết T, sinh ngày 18/8/2002 và Lê Hồ Ngọc T, sinh ngày 24/8/2012 hiện các con đang ở chung với anh chị. Khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hồ Ngọc T, còn cháu Lê Hồ Viết T thì theo nguyện vọng muốn ở với ai thì người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị B và anh N xác định không có.

- Về nợ chung: Chị B và anh N xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Ngọc B về việc xin ly hôn với anh Lê Viết N. Về con chung: Giao cháu Lê Hồ Viết T, sinh ngày 18/8/2002 cho chị B nuôi dưỡng, giao cháu Lê Hồ Ngọc T, sinh ngày 24/8/2012 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không đặt ra yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Hồ Thị Ngọc B về việc xin ly hôn với anh Lê Viết N thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; anh N là bị đơn có địa chỉ cư trú tại khóm N, phường N, TpCà Mau, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự, nhưng anh N có ý kiến xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Chị B và anh N kết hôn vào năm 2002, có đăng ký và được UBND phường N, thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng đến nay vẫn không giải quyết được, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên cải vã nên không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn, gia đình có khuyên can nhưng không được, còn hâm dọa đủ điều. Chị B xác định hiện vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân, nay chị yêu cầu được ly hôn. Đối với anh N xác định mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra không lớn, chưa đến mức phải

ly hôn, nhưng anh N không có biện pháp để hàn gắn, thuyết phục cho chị B đoàn tụ, trở về cuộc sống của vợ chồng. Ngược lại, tại phiên tòa chị B xác định không còn tình cảm với anh N và cương quyết ly hôn. Trường hợp Tòa án không chấp nhận cho chị ly hôn thì cuộc sống của vợ chồng không thể hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị B về việc xin ly hôn với anh N.

[4] Về con chung: Chị B và anh N xác định có 02 con chung tên Lê Hồ Viết T, sinh ngày 18/8/2002 và Lê Hồ Ngọc T, sinh ngày 24/8/2012 hiện đang ở chung với chị B, anh N. Khi ly hôn chị B yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hồ Ngọc T, còn cháu Lê Hồ Viết T thì theo nguyện vọng muốn ở với ai thì người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con chung sau khi ly hôn của chị B: Hiện các cháu Lê Hồ Viết T và Lê Hồ Ngọc T đang ở chung với chị B, anh N các cháu còn nhỏ (chưa thành niên), theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, khi ly hôn cha mẹ có nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên, trường hợp không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi dưỡng thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, con từ đủ 07 tuổi lên đến dưới 18 tuổi xem xét về nguyện vọng để đảm bảo quyền lợi của các cháu. Hiện các đương sự thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng sau ly hôn là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Giao cháu Lê Hồ Viết T, sinh ngày 18/8/2002 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lê Hồ Ngọc T, sinh ngày 24/8/2012 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu T và cháu T đang ở chung với chị B, anh N).

[5] Về tài sản chung: Chị B và anh N xác định không có.

[6] Về nợ chung: Chị B và anh N xác định không có.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị B nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Ngọc B về việc xin ly hôn với anh Lê Viết N.

Về con chung: Giao cháu Lê Hồ Viết T, sinh ngày 18/8/2002 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lê Hồ Ngọc T, sinh ngày 24/8/2012 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu T và cháu T đang ở chung với chị B, anh N).

Về cấp dưỡng nuôi con chị B, anh N không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh N, chị B không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị B và anh N xác định không có.

Về nợ chung: Chị B và anh N xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình chị B nộp 300.000đ. Vào ngày 06 tháng 6 năm 2019, chị B đã dự nộp 300.000đ tại biên lai số 000240 được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Chị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường 5, TPCM
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Diệp Chí Nguyện